TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2018
Về tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hồng;

2. Bà Tống Thị Kim Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 642/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1971; địa chỉ: 20 Lô D đường H.T.P, Khu phố M, phường P.T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Ngô Ngọc A, sinh năm 1969; địa chỉ: 20 Lô D đường H.T.P, Khu phố M, phường P.T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/9/2017, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà và ông A qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 1994 (Giấy chứng nhận kết hôn số 77KH, Quyển số 01/94 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/11/1994).

Vợ chồng chung sống được hai năm thì bà phát hiện ông A có mối quan hệ với người phụ nữ khác nhưng vì gia đình nhà chồng can thiệp nên ông A đã chấm dứt mối quan hệ đó.

Sau khi bà sinh con thứ hai ông A lại tiếp tục có mối quen hệ với nhiều người phụ nữ bên ngoài. Bà đã cố gắng tha thứ và khuyên nhủ để ông có thể sửa chữa quay về với gia đình, cùng chăm lo cho gia đình nhưng ông A không thay đổi. Theo bà P nguyên nhân vợ chồng phải ly hôn là do ông A không chung thủy, có nhiều mối quan

hệ tình cảm với những người phụ nữ khác nhau, không tôn trọng bà, đánh bà khi vợ chồng cãi nhau. Chính vì những mâu thuẫn trên, bà và ông A đã sống ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay, mạnh ai người ấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Thời gian gần đây qua các tin nhắn của ông A lưu trong điện thoại, bà biết được ông A đang có mối quan hệ với một người phụ nữ khác, người này từng là người quen biết của vợ chồng bà, bà cảm thấy mình bị lừa dối trong thời gian dài, niềm tin và tình cảm giữa ông và bà không còn, bà không thể tiếp tục chung sống với ông A nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông A .

- Về con chung: bà và ông A có hai con chung họ và tên là Ngô Quang H (nam) sinh ngày 02/7/1996 (đã trưởng thành), Ngô Hoàng Đan T (nữ) sinh ngày 20/12/2000.

Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung họ và tên Ngô Hoàng Đan T (nữ) sinh ngày 20/12/2000 và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Qúa trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Ngọc A trình bày:

Ông và bà P qua thời gian tìm hiểu tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 1994 (Giấy chứng nhận kết hôn số 77KH, Quyển số 01/94 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/11/1994).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được mười tám năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế trong gia đình gặp khó khăn, ông không làm ra tiền như trước đây và do tình hình sức khỏe của ông không được tốt; bản thân bà P thường xuyên đi chơi về khuya, trong sinh hoạt có những biểu hiện lạ như thường sử dụng hai điện thoại để nhắn tin, gọi điện thoại, thấy ông thì bà tắt máy; bà P không quan tâm chăm sóc ông khi ông bị bệnh, khi ông nằm viện điều trị; cụ thể, năm 2017, ông bị té gãy tay, bị điếc đột ngột phải đi điều trị tại bệnh viện tai mũi họng, sau đó ông phải đi mổ mắt, nhưng bà P cũng không quan tâm, bỏ mặc ông.

Từ 17/01/2017 cho đến nay, bà P và ông không còn nói chuyện, không ai quan tâm, chăm sóc đến nhau, mạnh ai người ấy sống; bà P cũng đã dọn ra ngủ riêng. Ngay sau khi bà P nộp đơn ly hôn với ông tại Toà án thì bà P đã tự động lấy 5.000 USD ra gửi tiết kiệm riêng cho bà P. Tuy nhiên ông cho rằng bản thân còn yêu thương vợ, tình cảm vợ chồng vẫn còn, không có mâu thuẫn quá trầm trọng để phải ly hôn nên ông không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà P.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung ông xác nhận đúng như nội dung bà P trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, được trực tiếp nuôi con chung, bị đơn không đồng ý ly hôn và các bên tranh luận:

Nguyên đơn bà P trình bày và tranh luận: mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, kéo dài nhiều năm không thể hàn gắn được. Bà không còn yêu thương và tin tưởng ông A. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải vợ chồng, bà đã nói hết những nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, lý do bà nộp đơn ly hôn nhưng sau những buổi làm việc, hòa giải tại tòa, phía ông A không có gì thay đổi và qua lời lẽ trình bày, biện hộ của ông A tại Tòa, bà không còn tôn trọng ông A.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Hoàng Đan T và cho rằng bà nuôi con sẽ tốt hơn; bởi lẽ, cháu T năm nay 17 tuổi, lại là con gái, đang phát triển mọi mặt về sinh lý, thể chất nên cháu ở gần mẹ thì mẹ sẽ hiểu và gần gũi cháu hơn. Bà đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, bà không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn ông A tranh luận: Về quan hệ hôn nhân, ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là có nhưng nguyên nhân bà P ly hôn với ông là lý do kinh tế, do những năm gần đây ông làm ăn sa sút, không còn sức khỏe. Bản thân ông còn yêu thương vợ con nên ông đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P, trường hợp Tòa giải quyết cho ly hôn, ông đồng ý để cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng cháu T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, việc tiến hành tố tụng, triệu tập người tham gia tố tụng, thẩm quyền giải quyết, xác định tư cách đương sự đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc tiến hành thu thập chứng cứ, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát phù hợp quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng theo các quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, lời trình bày của bà P, ông A đều thừa nhận từ tháng 01/2017 ông, bà đã sống ly thân mặc dù sống chung nhà cả hai không còn nói chuyện, không ai quan tâm, chăm sóc đến nhau, mạnh ai người ấy sống và thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Cũng như trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án mặc dù ông A cho rằng còn tình cảm với bà P và không đồng ý ly hôn với bà P nhưng ông không có giải pháp nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng giữa ông và bà P.

Theo kết quả xác minh của Hội phụ nữ phường xác nhận: tình trạng hôn nhân giữa ông A và bà P hiện nay không bình thường. Bà P, ông A sống tại địa phương ít hay mâu thuẫn cãi vả gây mất trật tự tại địa phương. Hiện bà P, ông A đã ly thân nhưng vẫn sống chung nhà.

Như vậy, xét quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông A mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà P là có căn cứ nên chấp nhận.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về quan hệ vợ chồng: xử cho bà P được ly hôn với ông A.

Về con chung: Có 01 con chung họ và tên: Ngô Quang H (nam) sinh ngày 02/7/1996 (đã trưởng thành); Ngô Hoàng Đan T (nữ) sinh ngày 20/12/2000. Sau khi ly hôn, giao con chung tên là Ngô Hoàng Đan T (nữ) sinh ngày 20/12/2000 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng và ông Ân không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí sơ thẩm: Bà P phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bị đơn cư trú tại Quận 7 nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Bà Nguyễn Thị P và ông Ngô Ngọc A tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 77KH, Quyển số 01/94 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/11/1994) nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của nguyên đơn thì bà P và ông A mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, chung sống với nhau không còn hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng nghi ngờ, không còn tôn trọng, yêu thương, chăm sóc nhau mạnh ai nấy sống. Ông A cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra những nghi ngờ, mâu thuẫn nhưng không phải là lý do ly hôn, bà P ly hôn ông là vì lý do tài sản, kinh tế nên không chấp nhận ly hôn.

Qua các tài liệu chứng cứ các bên cung cấp, cùng lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa cả hai bên đương sự đều thừa nhận tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà P ông A đã đến mức trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cả hai không quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống từ tháng 01/2017 có tiếng nói chung; ông A cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng các bên vẫn không có biện pháp nào khắc phục, không có tiếng nói chung, không còn tình cảm. Theo kết quả xác minh của Hội Liên hiệp phụ nữ phường P.T xác nhận: tình trạng hôn nhân giữa ông A và bà P hiện nay không bình thường. Bà P, ông A sống tại địa phương ít hay mâu thuẫn cãi vả gây mất trật tự tại địa phương. Hiện bà P, ông A đã ly thân nhưng vẫn sống chung nhà. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng bà P ông A đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 147/KS, Quyển số 02/96 đăng ký ngày 09/7/1996 tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy khai sinh số số 432/KS, Quyển số 03/2000 đăng ký ngày 30/12/2000 tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cùng với lời thừa nhận của đương sự, bà Nguyễn Thị P và ông Ngô Ngọc A có 02 con chung họ và tên: Ngô Quang H, sinh ngày 02/7/1996 (đã trưởng thành) và Ngô Hoàng Đan T sinh ngày 20/12/2000. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu T, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn ông A không đồng ý ly hôn nhưng trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P, ông đồng ý giao cháu T cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu T là con gái đang trong độ tuổi phát triển và theo nguyện vọng của cháu thì cháu muốn sống với mẹ. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của con chung; căn cứ theo Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thấy rằng, giao cháu T cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con; ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Ông A có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Tự giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P về việc ly hôn với bị đơn ông Ngô Ngọc A, xử cho bà P được ly hôn với ông A (Giấy chứng nhận kết hôn số 77KH, Quyển số 01/94 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/11/1994).

2. Về con chung: Có 02 con chung họ và tên: Ngô Quang H, sinh ngày 02/7/1996 (đã trưởng thành) và Ngô Hoàng Đan T, sinh ngày 20/12/2000.

Sau khi ly hôn, giao trẻ Ngô Hoàng Đan T cho bà Nguyễn Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng, bà P tự nguyện không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Ông A có

quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị P phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0024478 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, vậy bà P đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND Phường 2;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ …

Lê Thuần Phong